

Số: 20/2025/QĐST-DS

Hạ Long, ngày 08 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 155, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 149 Luật Nhà ở; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 356/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 (T5); địa chỉ: Tòa nhà T, số E, phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh P, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đỗ Tuấn T, là Quyền Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ 1-Khối Xử lý và Thu hồi nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần T4; (Giấy uỷ quyền số 04/2025/UQ-TPB.HĐQT ngày 10/01/2025 của người đại diện theo pháp luật);

Người được uỷ quyền lại: ông Nguyễn Đình V, là Chuyên viên xử lý TSBĐ - Trung tâm Xử lý nợ 1 - Khối Xử lý nợ và Thu hồi nợ - T5; ông Hoàng Anh T1, là Chuyên viên chính xử lý TSBĐ - Trung tâm Xử lý nợ 1 - Khối Xử lý nợ và Thu hồi nợ - T5; ông Mai Ngọc T2, là Chuyên viên chính xử lý TSBĐ - Trung tâm Xử lý nợ 1 - Khối Xử lý nợ và Thu hồi nợ - T5; ông Nguyễn Tiên P1, là Chuyên viên

xử lý TSBD - Trung tâm Xử lý nợ 1 – Khối Xử lý nợ và Thu hồi nợ - T5; ông Nguyễn Thiện L, là Nhân viên xử lý TSBD - Trung tâm Xử lý nợ 1 – Khối Xử lý nợ và Thu hồi nợ - T5; ông Nguyễn Hữu V1, là Chuyên viên xử lý TSBD - Trung tâm Xử lý nợ 1 – Khối Xử lý nợ và Thu hồi nợ - T5; ông Nguyễn Trung H, là Chuyên viên chính xử lý TSBD - Trung tâm Xử lý nợ 1 – Khối Xử lý nợ và Thu hồi nợ - T5; (Giấy ủy quyền số 102/2025/GUQ-TPB.LC ngày 21/02/2025 của ông Đỗ Tuấn T).

* Bị đơn: bà Lục Thị Hồng T3, sinh năm 1966; địa chỉ: tổ A, khu C, phường H, thành phố H, Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả: bà Lục Thị Hồng T3 phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 số tiền còn nợ (tạm tính đến hết ngày 27/3/2025) là: 1.012.852.401 (một tỷ, không trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm linh một) đồng; bao gồm nợ gốc là: 869.754.534 (tám trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn, năm trăm ba mươi tư) đồng, lãi trong hạn là: 126.415.045 (một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, không trăm bốn mươi lăm) đồng, lãi quá hạn là: 16.682.822 (mười sáu triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi hai) đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/3/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số 84/2021/HDTD/BTL/01 và Khế ước nhận nợ số 84/2021/GNN/BTL/01 ngày 30/8/2021.

2.2 Về thời hạn trả nợ: bà Lục Thị Hồng T3 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 toàn bộ số tiền gốc, lãi (tạm tính đến hết ngày 27/3/2025) là 1.012.415.045 (một tỷ, không trăm mười hai triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, không trăm bốn mươi lăm) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/3/2025 chậm nhất là ngày 05/7/2025.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 28/3/2025) cho đến khi thi hành án xong, bà Lục Thị Hồng T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần số 84/2021/HDTD/BTL/01 và Khế ước nhận nợ số 84/2021/GNN/BTL/01 ngày 30/8/2021, ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 – chi nhánh B và bà Lục Thị Hồng T3 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà bà Lục Thị Hồng T3 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 theo Quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.5 Trường hợp bà Lục Thị Hồng T3 thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 có quyền yêu cầu Cơ

quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ số A2712A/2021/HĐMB ký ngày 15/7/2021, giữa Công ty cổ phần Đ và bà Lục Thị Hồng T3 (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 84/2021/HĐBD/BTL/01 ngày 12/8/2021, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 và bà Lục Thị Hồng T3) để thu hồi nợ.

2.6 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 thì bà Lục Thị Hồng T3 có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T4.

2.7 Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ): nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ) và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.8 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Bị đơn bà Lục Thị Hồng T3 tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 21.192.786 (hai mươi một triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 số tiền 19.867.859 (mười chín triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi chín) đồng tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001357 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Viện kiểm sát nhân dân tp Hạ Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- Chi cục THADS tp Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc An

